

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ – LỚP 8
TUẦN 16 (TỪ 20/12/2021 ĐẾN 25/12/2021)

1. MÔN NGỮ VĂN

CHỦ ĐỀ: VĂN BẢN

A. LÝ THUYẾT: NỘI DUNG GHI BÀI:

VĂN BẢN 1: HDTH: VÀO NHÀ NGỤC QUẢNG ĐÔNG CẢM TÁC
Phan Bội Châu

1/ Nội dung: Bài thơ đã khắc họa phong thái ung dung, đường hoàng, phi phách kiên cường bất khuất, vượt lên trên hoàn cảnh tù ngục của nhà cách mạng Phan Bội Châu.

2/ Nghệ thuật: Giọng điệu hào hùng, khoa trương, bút pháp lãng mạn vận dụng nhuần nhuyễn, thể thơ thất ngôn bát cú với các phép đối chặt chẽ làm cho tâm vóc nhân vật trở nên lớn lao, kì vĩ.

3/ Ghi nhớ: SGK/148

VĂN BẢN 2: HDTH: MUỐN LÀM THẲNG CUỘI
Tản Đà

1/ Nội dung: Bộc lộ tâm sự của tác giả về nỗi buồn nhân thế do bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường, xấu xa. Qua đó, thể hiện khát vọng muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng.

2/ Nghệ thuật: Bài thơ có nhiều sáng tạo, mới mẻ trong hình thức với thể thất ngôn bát cú Đường luật cổ điển. Giọng thơ hóm hỉnh, phóng túng pha một chút ngông. Ngôn ngữ thơ bình dị, trong sáng mà tự nhiên có sử dụng nhiều khẩu ngữ.

3/ Ghi nhớ: SGK/157

VĂN BẢN 3: HDTH: HAI CHỮ NƯỚC NHÀ
Trần Tuấn Khải

1/ Nội dung: Hai chữ nước nhà có thể nói là một bài tuyên truyền yêu nước, kêu gọi cứu nước, không khác là mấy so với những áng thơ yêu nước cách mạng. Bài thơ mượn lời của Nguyễn Phi Khanh nói với con là Nguyễn Trãi, tác giả bày tỏ và khơi gợi nhiệt huyết yêu nước của người Việt Nam trong hoàn cảnh nước mất nhà tan.

2/ Nghệ thuật: Thể thơ song thất lục bát, giọng điệu da diết và có sức gợi cảm mạnh mẽ. Kết hợp tự sự với biểu cảm.

3/ Ghi nhớ: SGK/163

B. LUYỆN TẬP: Qua bài thơ “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác”, em hãy trình bày những cảm nhận của mình về vẻ đẹp hào hùng, lãng mạn của những nhà Nho yêu nước cách mạng đầu TK XX

C. DẶN DÒ: Hệ thống lại kiến thức tiếng Việt đã học, chuẩn bị ôn tập kiểm tra cuối kì.

- Trường từ vựng
- Từ tượng hình, từ tượng thanh
- Trợ từ, thán từ
- Tình thái từ

2. MÔN TOÁN

2.1 ĐẠI SỐ

Bài 8: PHÉP CHIA CÁC PHÂN THỨC ĐẠI SỐ LUYỆN TẬP

1/ Phân thức nghịch đảo:

Hai phân thức được gọi là nghịch đảo nhau nếu tích của chúng bằng 1.

Tổng quát : Nếu $\frac{A}{B} \cdot \frac{B}{A} = 1$ ($\frac{A}{B} \neq 0$) thì :

$\frac{B}{A}$ là phân thức nghịch đảo của $\frac{A}{B}$ và ngược lại.

Vd : $\frac{x^3 + 5}{x - 7}$ và $\frac{x - 7}{x^3 + 5}$ là hai phân thức nghịch đảo nhau.

2/ Phép chia :

*Quy tắc :

Muốn chia phân thức $\frac{A}{B}$ cho phân thức $\frac{C}{D}$ khác 0, ta nhân $\frac{A}{B}$ với phân thức nghịch đảo của $\frac{C}{D}$.

$$\frac{A}{B} : \frac{C}{D} = \frac{A}{B} \cdot \frac{D}{C} \quad \text{với } \frac{C}{D} \neq 0$$

?3

$$\frac{1 - 4x^2}{x^2 + 4x} : \frac{2 - 4x}{3x} = \frac{1 - 4x^2}{x^2 + 4x} \cdot \frac{3x}{2 - 4x}$$

$$= \frac{(1 - 2x)(1 + 2x) \cdot 3x}{x(x + 4) \cdot 2(1 - 2x)} = \frac{3(1 + 2x)}{2(x + 4)}$$

?4

$$\begin{aligned} & \frac{4x^2}{5y^2} : \frac{6x}{5y} : \frac{2x}{3y} \\ &= \frac{4x^2}{5y^2} \cdot \frac{5y}{6x} \cdot \frac{3y}{2x} \\ &= \frac{60x^2y^2}{60y^2x^2} = 1 \end{aligned}$$

Bài 42 trang 54

$$a/ \left(\frac{20x}{3y^2} \right) : \left(-\frac{4x^3}{5y} \right) = \frac{20x}{3y^2} \cdot \frac{-5y}{4x^3} = -\frac{25}{3x^2y}$$

$$b/ \frac{4x + 12}{(x + 4)^2} : \frac{3(x + 3)}{x + 4} = \frac{4(x + 3)}{(x + 4)^2} \cdot \frac{x + 4}{3(x + 3)} = \frac{4}{3(x + 4)}$$

Bài 43 trang 54

$$a/ \frac{5x-10}{x^2+7} : (2x-4) = \frac{5x-10}{x^2+7} \cdot \frac{1}{2x-4} = \frac{5(x-2)}{(x^2+7) \cdot 2(x-2)} = \frac{5}{2(x^2+7)}$$

$$b/ (x^2-25) : \frac{2x+10}{3x-7} = \frac{x^2-25}{1} \cdot \frac{3x-7}{2x+10} = \frac{(x-5)(x+5)(3x-7)}{2(x+5)} = \frac{(x-5)(3x-7)}{2}$$

$$c/ \frac{x^2+x}{5x^2-10x+5} : \frac{3x+3}{5x-5} = \frac{x(x+1)}{5(x-1)^2} \cdot \frac{5(x-1)}{3(x+1)} = \frac{x}{3(x-1)}$$

Bài 9: BIẾN ĐỔI CÁC BIỂU THỨC HỮU TỈ

1/ Biểu thức hữu tỉ

Là các biểu thức phân hoặc các biểu thức nguyên.

Vd :

$$2x^2 - 5; \frac{3x}{4y^2 + 1}; \frac{\frac{2}{x^2 + 1}}{2x} \quad \text{là các biểu thức hữu tỉ}$$

2/ Biến đổi một biểu thức hữu tỉ thành một phân thức:

Nhờ các quy tắc phép cộng, trừ, nhân, chia các phân thức, ta có thể biến đổi một biểu thức hữu tỉ thành một phân thức.

Vd : Biến đổi biểu thức sau thành phân thức

$$A = \frac{1 + \frac{2}{x-1}}{1 + \frac{2x}{x^2+1}} = \frac{x-1+2}{x-1} \cdot \frac{x^2+1+2x}{x^2+1} = \frac{x+1}{x-1} \cdot \frac{x^2+1}{(x+1)^2} = \frac{x^2+1}{x^2-1}$$

3/ Giá trị của biểu thức phân

- Giá trị của biểu thức phân chỉ được xác định với điều kiện giá trị của biểu thức khác 0
- Biến chỉ được nhận các giá trị sao cho giá trị tương ứng của mẫu thức khác 0

Vd : Cho phân thức $\frac{3x-9}{x(x-3)}$

- a) Tìm điều kiện của x để giá trị của phân thức được xác định?
- b) Tính giá trị của phân thức tại x = 2004

Giải :

a/ Giá trị của phân thức được xác định khi : $x(x-3) \neq 0$ (Mẫu khác 0)

$$\Rightarrow x \neq 0 \text{ và } x - 3 \neq 0$$

$$\Rightarrow x \neq 0 \text{ và } x \neq 3$$

b/ Các em rút gọn trước khi tính

$$\frac{3x-9}{x(x-3)} = \frac{3(x-3)}{x(x-3)} = \frac{3}{x} \quad (\text{với } x \neq 0, x \neq 3)$$

Thế $x = 2004$ vào , ta được :

$$\frac{3}{x} = \frac{3}{2004} = \frac{1}{668}$$

Bài tập 46 trang 57:

$$a/ \frac{1 + \frac{1}{x}}{1 - \frac{1}{x}} = \frac{x+1}{x} : \frac{x-1}{x} = \frac{x+1}{x} \cdot \frac{x}{x-1} = \frac{x+1}{x-1}$$

$$b/ \frac{1 - \frac{2}{x+1}}{1 - \frac{x^2-2}{x^2-1}} = \frac{x+1-2}{x+1} \cdot \frac{(x-1)(x+1)}{x^2-1-x^2+2} = \frac{(x-1)(x-1)(x+1)}{x+1} = (x-1)^2$$

B. BÀI TẬP Ở NHÀ:

- Xem lại các ví dụ
- Làm bài tập : 44/sgk54 + 47; 48/ sgk 55+56

2.2 HÌNH HỌC

ÔN TẬP HK1 (TIẾP THEO)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GI):

Bài 1:

Cho ΔABC vuông tại A ($AB < AC$) có AH là đường cao. Gọi D và E lần lượt là hình chiếu của H lên AB và AC.

a) Chứng minh: tứ giác ADHE là hình chữ nhật.

b) Lấy điểm F đối xứng với A qua E, lấy điểm G đối xứng với H qua E. Chứng minh: tứ giác AHFG là hình thoi.

Giải

a) Chứng minh: tứ giác ADHE là hình chữ nhật:

Xét tứ giác ADHE có:

$$\hat{A} = \hat{D} = \hat{E} = 90^\circ \text{ (gt)}$$

\Rightarrow Tứ giác ADHE là hình chữ nhật.

b) Chứng minh: tứ giác AHFG là hình thoi:

Xét tứ giác AHFG có:

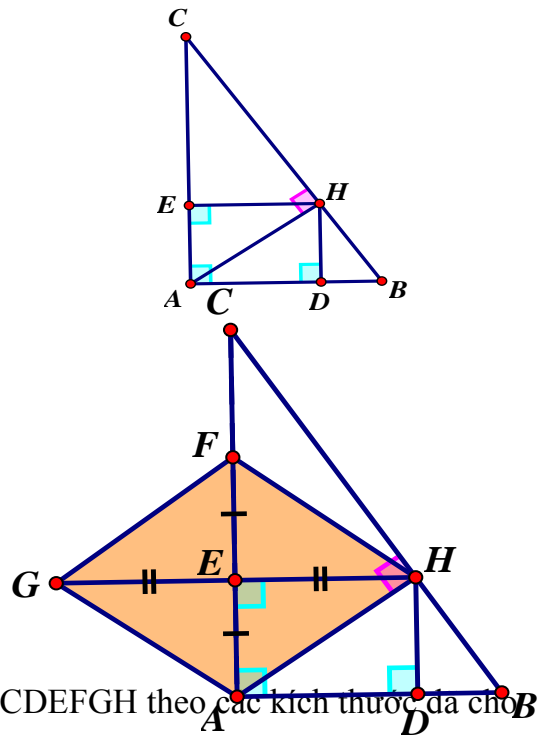
E là trung điểm của AF (F đối xứng với A qua E)

E là trung điểm của GH (G đối xứng với H qua E)

\Rightarrow Tứ giác AHFG là hình bình hành

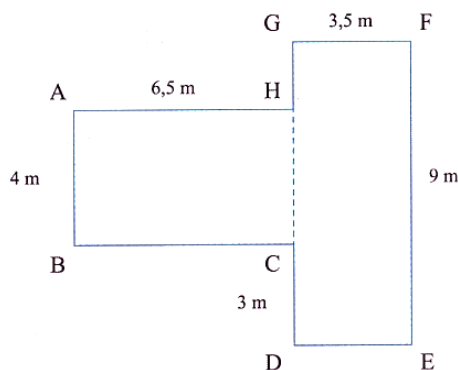
Mà $GH \perp AF$ (gt)

\Rightarrow Tứ giác AHFG là hình thoi



Bài 2:

Tính diện tích của miếng đất giới hạn bởi đa giác ABCDEFGH theo các kích thước đa giác trong hình vẽ sau:



$$\begin{aligned} S_{ABCDEFGH} &= S_{ABCH} + S_{CDEFG} \\ &= 4 \cdot 6,5 + 3 \cdot 9 \\ &= 26 + 27 = 53 \text{ m}^2 \end{aligned}$$

B. LUYỆN TẬP:

Bài 3:

Cho ΔABC vuông tại A. Gọi M, N, P lần lượt là trung điểm của AB, AC, BC. Chứng minh rằng:

a/ Tứ giác AMPC là hình thang vuông

b/ Tứ giác BMNP; MNCP là hình bình hành

c/ Tứ giác AMPN là hình chữ nhật

3. MÔN VẬT LÝ

LUYỆN TẬP BÀI 9. ÁP SUẤT KHÍ QUYỀN

A. BÀI TẬP:

Câu 1. Tại sao sau khi hút hết sữa trong hộp (bằng giấy), nếu hút mạnh không khí trong hộp ra bớt ta thấy hộp bị bẹp theo nhiều phía?

Câu 2. Tại sao nắp ấm pha trà, nắp bình nước uống 20 lít dạng vò thường có một lỗ hở nhỏ?

Câu 3. Tại sao úp ngược một ly thủy tinh và ấn chìm vào trong nước mà nước không tràn vào hết ly?

Câu 4. Tại sao cắm một ống hút vào ly nước nhấc lên. Nước trong ống chỉ chảy ra chút xíu mà không chảy ra hết?

Câu 5. Tại sao khi máy bay cất cánh hoặc hạ cánh, một số hành khách bị ù tai?

B. DẶN DÒ:

- Học bài 9.
- Xem lại bài tập.
- Ôn lại kiến thức từ bài 1 đến 9.

4. MÔN LỊCH SỬ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

Chương IV

Bài 21: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

I./ NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 làm cho mâu thuẫn về quyền lợi, về thị trường và thuộc địa giữa các nước đế quốc thêm sâu sắc.
- Chủ nghĩa phát xít ở Đức, Italia, Nhật Bản âm mưu gây chiến tranh chia lại thế giới.
- Dẫn đến hình thành 2 khối đế quốc đối lập nhau:
 - + Khối tư bản dân chủ Anh-Pháp-Mĩ
 - + Khối phát xít Đức-Italia-Nhật Bản
- Ngày **1/9/1939** phát xít Đức tấn công Ba Lan → Anh, Pháp tuyên chiến với Đức → Chiến tranh bùng nổ.

II./ NHỮNG DIỄN BIẾN CHÍNH (Hướng dẫn HS lập bảng niên biểu)

Thời gian	Sự kiện chính
Từ 1/9/1939	Phát xít Đức tấn công Ba Lan; rồi đánh chiếm nhiều nước châu Âu
Tháng 9/1940	Quân Italia chiếm Ai Cập (Bắc Phi)
22/6/1941	Phát xít Đức tấn công Liên Xô
7/12/1941	Nhật tấn công Mĩ ở Trân Châu Cảng; chiếm toàn bộ Đông Nam Á và một số đảo ở Thái Bình Dương.
Tháng 1/1942	Mặt trận Đồng minh chống phát xít được thành lập do Mĩ và Liên Xô đứng đầu.
2/2/1943	Liên Xô đánh thắng quân Đức ở Xta-lin-grát
Tháng 5/1943	Quân Đức, Italia bị thất bại ở mặt trận Bắc Phi
6/ 1944	Liên quân Mĩ-Anh tấn công Đức, Italia ở mặt trận Tây Âu
9/5/1945	Phát xít Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc ở châu Âu.
Tháng 6/1945	Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật ở Trung Quốc
Ngày 6 và 9/8/1945	Mĩ ném bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki
15/8/1945	Phát xít Nhật đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

III./ KẾT CỤC CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

- Chủ nghĩa phát xít Đức, Italia, Nhật Bản bị thất bại và sụp đổ hoàn toàn.
- Đây là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại:
 - 60 triệu người chết, 90 triệu người bị thương, bị tàn tật
 - Thiệt hại vật chất gấp 10 lần Chiến tranh thế giới thứ nhất, bằng tất cả các cuộc chiến tranh của 1000 năm trước đó cộng lại.
- Chiến tranh kết thúc dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới.

B. LUYỆN TẬP

Em hãy hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau:

1. Vấn đề chủ chốt nhất dẫn đến mâu thuẫn giữa các nước đế quốc là

- A. Hoạt động thương mại không bình đẳng
- B. Tranh giành thị trường và thuộc địa
- C. Quan hệ ngoại giao căng thẳng
- D. Chênh lệch lực lượng quân sự

2. Sự kiện nào làm cho mâu thuẫn giữa các nước đế quốc càng thêm sâu sắc, dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933
- B. Chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền ở Đức, Italia, Nhật Bản
- C. Đức chiếm Tiệp Khắc (tháng 3/1939)
- D. Phát xít Đức tấn công Ba Lan (9/1939)

3. Chiến tranh thế giới thứ hai chính thức bùng nổ vào thời gian nào?

- A. 1/9/1929
- B. 1/3/1933
- C. 1/3/1939
- D. 1/9/1939

4. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ở châu Âu vào thời gian nào?

- A. 4/5/1945
- B. 7/5/1945
- C. 9/5/1945
- D. 15/8/1945

5. Ngày 6/8/1945 Mĩ cho ném bom nguyên tử lần đầu tiên xuống thành phố nào của Nhật Bản?

- A. Tô-ky-ô
- B. Hi-rô-si-ma
- C. Na-ga-xa-ki
- D. Ô-sa-ka

C. DẶN DÒ

- HS ghi chép nội dung trọng tâm bài 21; đọc thêm SGK để nắm vững kiến thức bài học.
- Làm phần Luyện tập
- Học sinh tự học bài 23; Ôn tập Lịch sử thế giới hiện đại (phần từ 1917 đến 1945)

5. ĐỊA LÝ

ÔN TẬP (Tuần 13+14+15)

A. LÝ THUYẾT:

HS Xem và ôn lại các nội dung bài ghi + Sách giáo khoa+ Tập bản đồ Địa lí 8:

- Tuần 13: Đặc điểm dân cư khu vực Nam Á
- Tuần 14: Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Á.
- Tuần 15: Dân cư -kinh tế khu vực Đông Á.

B. LUYỆN TẬP: Chọn 1 đáp án đúng nhất.

Câu 1: Nam Á là nơi phát sinh ra hai tôn giáo lớn nào

- A. Ấn Độ giáo và Hồi giáo
- B. Ấn Độ giáo và Ki-tô-giáo
- C. Ấn Độ giáo và Phật giáo
- D. Phật giáo và Hồi giáo

Câu 2: Quốc gia phát triển nhất Nam Á là

- A. Ấn Độ
- B. Nê-pan
- C. Băng-la-det
- D. Pa-kit-tan

Câu 3: Hoạt động kinh tế chủ yếu của hầu hết các nước trong khu vực Nam Á là

- A. Dịch vụ
- B. Công nghiệp
- C. Nông nghiệp
- D. Khai thác dầu mỏ

Câu 4: Đông Á tiếp giáp với đại dương nào?

- A. Bắc Băng Dương
- B. Ấn Độ Dương
- C. Thái Bình Dương
- D. Đại Tây Dương

Câu 5: Hệ thống núi, sơn nguyên cao hiểm trở và các bồn địa rộng phân bố ở đâu phần đất liền của Đông Á

- A. Phía tây Trung Quốc
- B. Phía đông Trung Quốc
- C. Bán đảo Triều Tiên
- D. Toàn bộ lãnh thổ phần đất liền

Câu 6: Phần phía đông đất liền và phần hải đảo của Đông Á chủ yếu nằm trong kiểu khí hậu nào?

- A. Khí hậu gió mùa
- B. Khí hậu cận nhiệt địa trung hải
- C. Khí hậu lục địa
- D. Khí hậu núi cao.

*** Dặn dò:**

- Trả lời câu hỏi phần luyện tập.
- Xem các nội dung phần lý thuyết.

6. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

MÔN: GDCD 8

Tiết 16 Bài: GÓP PHẦN XÂY DỰNG NẾP SỐNG VĂN HÓA Ở CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ (Tiết 1)

A . LÝ THUYẾT (Nội dung bài ghi)

1. Cộng đồng dân cư là toàn thể những người sinh sống trong một khu vực lãnh thổ hoặc đơn vị hành chính... có sự liên hệ và hợp tác với nhau để cùng thực hiện lợi ích chung và riêng

2. Tiêu chuẩn nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư:

- Làm cho đời sống văn hóa tinh thần ngày càng lành mạnh;
- Bảo vệ cảnh quan môi trường sạch đẹp;
- Xây dựng tình đoàn kết xóm giềng;
- Bài trừ mê tín dị đoan, phòng chống tệ nạn xã hội.

3. Ý nghĩa :

- Góp phần làm cho cuộc sống bình yên, hạnh phúc
- Bảo vệ và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc

4. Trách nhiệm của mỗi công dân.

- Xây dựng nếp sống văn hoá ở cộng đồng dân cư là trách nhiệm của mỗi công dân.
- Tham gia các hoạt động vừa sức ở địa phương.

B . LUYỆN TẬP :

Câu 1: Tiêu chuẩn nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư gồm những tiêu chuẩn nào? Gia đình em đã tham gia xây dựng nếp sống văn hóa ở cộng đồng dân cư như thế nào?

Câu 2: Theo em những biểu hiện nào sau đây là xây dựng nếp sống văn hóa? Vì sao?

- a) Các gia đình giúp nhau làm kinh tế, xóa đói giảm nghèo.
- b) Tổ chức cưới xin, ma chay linh đình.
- c) Trẻ em đến tuổi đi học đều được đến trường.
- d) Tụ tập đánh bạc, hút chích ma túy.
- đ) Trồng và chăm sóc cây xanh ở khu dân cư.
- e) Tuyên truyền tin đồn nhảm trong khu dân cư.

C . DẶN DÒ:

- + Học nội dung (2, 4)
- + Hoàn thành bài tập 1, 2 phần luyện tập.

7. MÔN TIẾNG ANH

NỘI DUNG TRỌNG TÂM

- Tiết 46: Unit 7 – Write (học sinh tự học)
- Tiết 47: Unit 7 - Language Focus
- Tiết 48 : CONSOLIDATION FOR FIRST-TERM TEST

TIẾT 46 : UNIT 7 – WRITE (học sinh tự học)

A. LÝ THUYẾT

New words

- effect (n) sự tác động , ảnh hưởng
- contact (v,n) liên lạc
- hall (n) sảnh, hội trường

B. THỰC HÀNH

1. Read the community notice. (Hãy đọc bảng thông báo.)

Tran Phu Street Residents and Store Owners
MEETING TO DISCUSS EFFECTS OF NEW MALL

Date: May 20 **Time:** 8.00 pm
Place: Binh's Hardware Store, 12 Hang Da Street.
Please contact Pham Van Tai at the above address for more information.

2. Use the similar format to write a notice about the English Speaking contest below.

(Tương tự như trên em hãy viết thông báo về Cuộc thi hùng biện tiếng Anh dưới đây.)

The school English Speaking Club is going to hold a speaking contest to celebrate the Teachers' Day. The contest will be at Hall 204, Building G, from 7.30 pm to 10.00 pm on November 15. The person to contact is Tran Thi Thu Hang of class 8H.

Gợi ý:

The school English Speaking Club
HOLDING A SPEAKING CONTEST
TO CELEBRATE THE TEACHERS' DAY

Date: November 15
Time: 7.30 pm – 10.00 pm
Place: Hall 204, Building G
Please contact Tran Thi Thu Hang of Class 8H at the above address for more information.

3. Write one or two notices about your class meeting and / or your Sports Club meeting. (Hãy viết một hoặc hai thông báo về cuộc họp lớp và/hoặc cuộc họp Câu lạc bộ Thể thao.)

Gợi ý:

HOLDING A CLASS MEETING TO MAKE PLANS
FOR THE CAMPING TRIP NEXT MONTH

Date: April 20
Time: 8 am
Place: Room 11, Building A
Please contact Nguyen Thuy Hang of Class 8A at the above address for more information.

TIẾT 47 : UNIT 7 – LANGUAGE FOCUS

A. LÝ THUYẾT

Thì hiện tại hoàn thành với **for** và **since** - Present perfect with **for** and **since**

FORM:

- Câu khẳng định: S+ **have / has** + V3/ed.
- Câu phủ định: S + have / has + **not** + V3/ed.
- Câu nghi vấn: **Have / Has** + (not) + S + V3/ed ?
- Câu hỏi với từ để hỏi: Wh-ques+ **have/ has** + S + V3/ed ?

USE:

Thì hiện tại hoàn thành với **for** và **since** diễn tả một hành động bắt đầu xảy ra trong quá khứ và còn tiếp diễn ở hiện tại hoặc có thể kéo dài đến tương lai.

EX:

She has taught here **for** a long time and now she keeps teaching.

She has taught here **since** 1980 (cô ấy dạy học từ năm 1980)

How long have you been here?

We haven't been here **since** yesterday.

Các hình thức so sánh bằng

1/ So sánh bằng với tính từ hoặc trạng từ

- Cấu trúc: **S + V + as + adj/adv + as + N/ P (giống như, bằng như)**
 - My book is as interesting as yours (Sách của tôi thú vị như sách của bạn)
 - John sings as well as his sister (John hát hay như chị gái anh ấy)
- Lưu ý: Khi phủ định ta có thể dùng cấu trúc trên với *so ... as*
 - He is not so tall as his father (Anh ấy không cao bằng bố anh ấy)

2/ So sánh bằng với danh từ

- Cấu trúc: **S + V + the same + N + as + N/P (giống như)..**
 - He speaks the same language as she (anh ấy nói ngôn ngữ giống cô ấy)
 - My house is the same height as his (Nhà tôi cao như nhà anh ấy)
- Lưu ý: Ngược nghĩa với *the same... as (giống)* là *different from (khác)*

Their teacher is different from ours (Giáo viên của họ khác với giáo viên của chúng tôi)

3/ So sánh với Like (giới từ): Giống

- Cấu trúc: **Be + like + N (danh từ).**

This hat is like that hat (Cái mũ này giống cái mũ kia).

N + like + N

I have a hat like yours. (Tôi có một cái mũ giống của bạn).

B. LUYỆN TẬP

2. Complete the expressions. Use **for** or **since**. (Hoàn thành các diễn đạt sau, dùng **for** hoặc **since**.)

3. Complete the sentences. Use the present perfect form of the verbs in brackets.

(Hãy hoàn thành các câu sau, dùng thì hiện tại hoàn thành cho động từ trong ngoặc.)

- I **have lived** here since last week.
- We **haven't eaten** in that restaurant for two weeks.
- I **haven't seen** her since yesterday.
- They **have attended** Quang Trung School since last year.
- My Dad **has worked** for this company for 20 years.
- Ba **has collected** stamps since 1995.

4. Complete the conversation. Use the correct form of the verbs in the box.

(Hoàn thành hội thoại sau, chia dạng đúng của động từ cho trong khung.)

hope be(3) live see look want

Ba: Hi. My name's Ba.

Tom: Nice to meet you, Ba. I'm Tom.

Ba: Are you a newcomer here?

Tom: Yes I (1) **have been** here since last week.

Ba: I'm sure you'll love this place.

Tom: I (2) **hope** so. How long (3) **have you lived** here?

Ba: For 15 years.

Tom: So you must know the area very well. (4) **Is** there a post office near here?

Ba: Yes. There's one next to my house. Why?

Tom: Ah! I (5) **want** to send this postcard to my parents.

Ba: Let me see. Oh! It (6) **looks** very beautiful. Where is your house?

Tom: In London. (7) **Have** you ever **been** there?

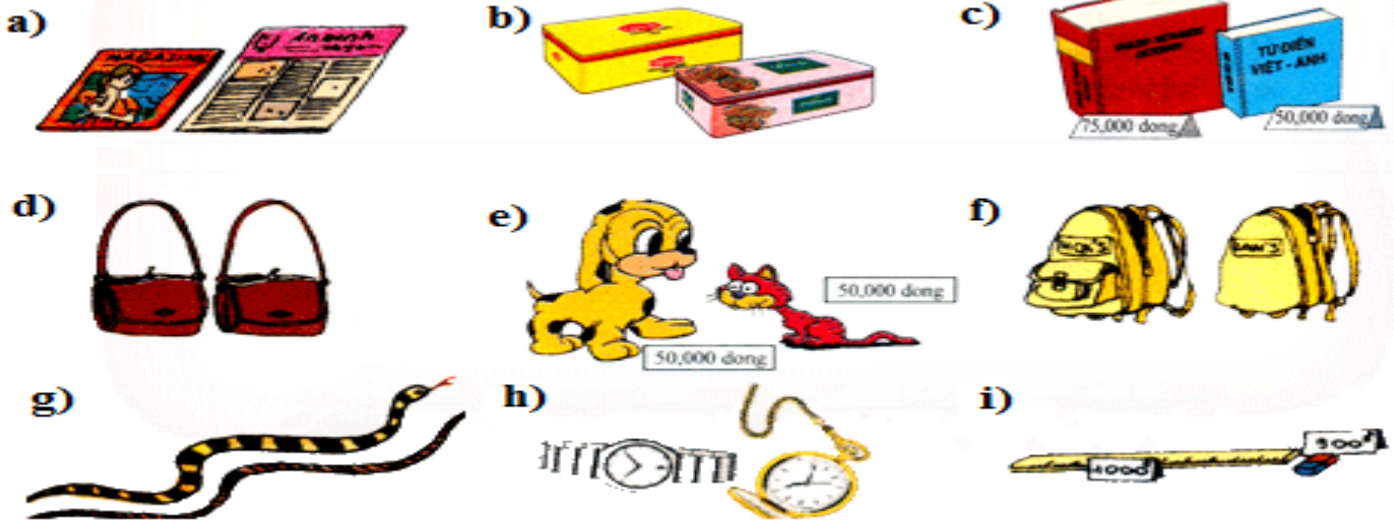
Ba: Not yet. But I (8) **saw** it through films and magazines. I'm going there with my father next summer.

Tom: That's great. I hope to see you again over there.

5. Look at the pictures. Complete the sentences. Use the words in the box. You will have to use some words more than once.

(Hãy nhìn tranh và hoàn thành các câu sau, sử dụng từ cho trong khung. Em sẽ phải dùng một vài từ hơn một lần.)

different expensive cheap modern long same large



- The magazine is *not as large as* the newspaper.
- Lipton tea is *different from* Dilmah tea.
- The red dictionary is **different from** the blue dictionary.
- The bag on the left is **the same as** the bag on the right.
- The cat is **not as big as** the dog.
- Hoa's backpack is **the same as** Lan's backpack.
- The snake is **not as long as** the rope.
- The pocket-watch is **not as modern as** the wristwatch.
- The ruler is **not as cheap as** the eraser.

TIẾT 48 : CONSOLIDATION FOR FIRST TERM TEST

A. LÝ THUYẾT ENOUGH

Cấu trúc enough dạng khẳng định

“Enough” được sử dụng sau tính từ và trạng từ kết hợp với nó là động từ nguyên thể có “to”

– S + to be + adj + enough + (for SB) + to V nguyên thể

– S + V + adv + enough + (for SB) + to V nguyên thể

Ex:

+ The weather is beautiful enough to have a picnic

+ I am tall enough to take a book on the top of shelf

+ My hair has long enough to tie

Cấu trúc enough dạng phủ định:

– S + to be not + adj + enough + (for SB) + to V nguyên thể

– S + don't/doesn't/didn't + V + adv + enough + (for SB) + to V nguyên thể

Ex:

+ He isn't strong enough to lift this box

+ I am not hardworking enough to do homework

+ She isn't tall enough to become a model

Cấu trúc enough với danh từ

Khi “Enough” kết hợp với danh từ thì “enough” đứng trước danh từ

S + V + enough + noun + (for SB) + to V nguyên thể

Ex:

+ He doesn't have enough time to fix his car

+ This car doesn't have enough seat for 6 people

+ I don't have enough money to buy car

MODAL VERBS (MUST/ HAVE TO – SHOULD/ OUGHT TO)

SHOULD / OUGHT TO: dùng khi muốn đưa ra ý kiến, lời khuyên.

MUST được dùng để diễn tả sự bắt buộc đến từ phía người nói, bày tỏ cảm xúc và ước muốn của người nói – ví dụ như ra lệnh (cho mình hoặc cho người khác.)

Ex:

I must stop smoking. (Tôi phải bỏ thuốc thôi.) [tôi muốn bỏ]

You must be here before eight o'clock tomorrow. (Ngày mai anh phải có mặt ở đây trước 8 giờ.)

HAVE TO chủ yếu được dùng để chỉ sự bắt buộc đến từ ‘bên ngoài’ – ví dụ từ luật pháp, nội quy, thỏa thuận và lệnh của người khác...

Ex:

I have to stop smoking. Doctors orders. (Tôi phải bỏ thuốc. Bác sĩ ra lệnh.)

You have to wear uniform on duty (Anh phải mặc đồng phục khi đang làm nhiệm vụ.)

B. LUYỆN TẬP

1/ REWRITE THE FOLLOWING SENTENCES , USING ENOUGH

1/ The floor wasn't strong . We couldn't dance on it

The floor wasn't

2/ Phong is very tall . He can play basketball

Phong is

3/ We can do these exercises in an hour because they are quite easy

These exercises are

4/ Phong studies very hard. He can get good marks for the exam

Phong studies

5/ My brother is rather clever . He can make a lot of things from paper

My brother is

6/ Phong studied very well . He can get many good marks

Phong
 7/ They worked very hard . They got promotion in the coming days
They worked
 8/ My brother can pass the exam easily because he is very studious
My brother is
 9/ We could drink this glass of fruit juice because it was very delicious
This glass of fruit juice.....
 10/ These boys play football very well . They can score goals easily
These boys

2/ REWRITE THE FOLLOWING SENTENCES , USING THE WORDS GIVEN.

1/ You should prepare your lesson carefully
You ought
 2/ You shouldn't go out at night . It's very dangerous .
You ought
 3/ Parents should send their children to school.
Parents ought
 4/ All applicants must take an entrance exam
All applicants have.....
 5/ She must go to the hairdresser's soon .
She has

C. BÀI TẬP LUYỆN THÊM

Điền "for" hoặc "since" vào chỗ trống dưới đây.

1. I have used the laptop _____ two hours _____ 8 o'clock.
2. How many times have you read the book _____ you bought it?
3. I haven't eaten meat _____ Friday.
4. We've known each other _____ ages.
5. Things have changed a lot _____ our previous meeting.
6. It's three years _____ she started learning English.
7. Nobody has seen her _____ last week.
8. India has been independent _____ 1947.
9. He has driven a car _____ his birthday.
10. Tom has been married _____ five months.

Suggested answers

- | | | | | |
|--------------|----------|----------|----------|----------|
| 1. for-since | 2. Since | 3. Since | 4. For | 5. since |
| 6. since | 7. Since | 8. Since | 9. Since | 10. for |

8. MÔN ÂM NHẠC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 14:

- Ôn tập bài hát: Hò ba lí

- Ôn tập đọc nhạc: TĐN số 4

- Âm nhạc thường thức: Giới thiệu một số nhạc cụ dân tộc

1. Ôn tập bài hát: Hò ba lí:

- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời bài hát Hò ba lí

- Tập trình bày bài hát có tình cảm

2. Ôn tập bài Tập đọc nhạc: TĐN số 4 :

- Tập đọc tên nốt và giai điệu bài TĐN số 4

- Tập ghép lời bài đọc

3. Âm nhạc thường thức:

GIỚI THIỆU MỘT SỐ NHẠC CỤ DÂN TỘC

a. Cồng, chiêng: là nhạc cụ dân tộc thuộc bộ gõ, bằng đồng thau đường kính từ 20cm đến 60 cm. Cồng ở giữa có núm, chiêng không có.

Cách sử dụng: Dùng dùi gỗ có quấn vải hoặc tay

Đây là nhạc cụ linh thiêng dùng để tế lễ thần linh hoặc trong các lễ hội.



b. Đàn T' rưng: Là nhạc cụ làm bằng các ống tre, nứa to, nhỏ, dài, ngắn khác nhau với 1 đầu bịt kín, 1 đầu vót nhọn.

Cách sử dụng: Dùng dùi gỗ vào các ống

Đàn thường dùng độc tấu hoặc hòa tấu với các nhạc cụ khác.



c. Đàn đá: Là nhạc cụ gõ cổ nhất Việt Nam làm bằng các thanh đá với kích thước dài, ngắn, dày, mỏng khác nhau

Cách sử dụng: Dùng búa gỗ vào các thanh đá

Người xưa quan niệm đàn đá là phương tiện để nối liền cõi âm với cõi dương.

Hiện nay, đàn đá đang được giới thiệu nhiều hơn tới công chúng trong và ngoài nước.



B. LUYỆN TẬP:

- Tập hát diễn cảm bài hát Hò ba lí
- Tập đọc nốt và giai điệu bài TĐN số 4, ghép lời bài đọc
- Tìm hiểu thêm về nhạc cụ dân tộc

9. MÔN MỸ THUẬT

BÀI 9 : TRANG TRÍ KHẨU HIỆU (TIẾT 2)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Học sinh xem lại phần kiến thức đã học trong Bài 9 tiết 1.

B. LUYỆN TẬP:

Học sinh hoàn thành bài vẽ “Trang trí khẩu hiệu”.

10. MÔN THỂ DỤC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Chủ đề: NHẢY XA KIỂU NGỒI

- Hoàn thiện kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.

1. Kiến thức, kĩ năng:

* **Kiến thức:** Học sinh hiểu cơ bản về các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi và biết cách nhảy dây bền.

* **Kĩ năng:** Thực hiện cơ bản đúng kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi và nhảy dây bền. (Học sinh tự tập tại nhà).

2. Nội dung:

* **Nhảy xa kiểu ngồi: Hoàn thiện kĩ thuật:**

a. Giai đoạn chạy đà:

Giai đoạn này tính từ lúc chạy cho đến khi đặt chân vào ván giậm nhảy. Cần tạo ra được một tốc độ tối đa trước khi giậm nhảy để đặt chân vào ván giậm cho chính xác.

Cách đo đà: 1 bước đà bằng 5 - 6 bàn chân, hoặc 1 bước đà bằng 2 bước đi thường. Người chạy sẽ đứng lên ván giậm để tiến hành đo bằng cách đi từ ván giậm đến vạch xuất phát theo cách tính trên.

Kĩ thuật giai đoạn chạy đà gồm: Tư thế chuẩn bị trước khi chạy và chạy đà.

- **Tư thế chuẩn bị:** Đứng chân lằng trước (bước lẻ) hoặc chân giậm trước (bước chẵn), mũi bàn chân sát vạch xuất phát, mũi chân sau chạm đất cách gót chân trước khoảng một bàn chân theo chiều chạy đà và 5 - 10cm theo chiều ngang. Hai chân hơi khuyu (chân sau khuyu nhiều hơn), chạm đất bằng nửa trước bàn chân, trọng tâm dồn nhiều vào chân trước. Thân hơi ngả về trước mắt nhìn theo đường chạy đà, hai tay thả lỏng tự nhiên.

- **Kĩ thuật chạy đà:** Cự li chạy đà khoảng 15 - 25m. Đo đà, điều chỉnh đà để tìm ra cự li chạy đà hợp lí, phù hợp với mỗi người tập là một việc rất quan trọng trong nhảy xa.

Khi chạy đà, độ dài của bước chạy cần tăng dần kết hợp với nâng dần thân lên, đặc biệt, tăng dần tốc độ cho đến khi đạt được tốc độ cao nhất. Tiếp theo duy trì tốc độ cao đó bằng cách giữ ổn định khoảng cách, trật tự và tần số bước chạy. Khi chạy đà, đặt nửa trước bàn chân chạm đất, chân đạp sau tích cực và duỗi thẳng, thân trên hơi ngả về trước, tay phối hợp tự nhiên. Riêng bước đà cuối cùng, khi đặt chân giậm nhảy vào ván cần bước nhanh và ngắn hơn trước đó khoảng 1/2 - 1 bàn chân, đặt cả bàn chân chạm ván chuẩn bị cho giậm nhảy. Lúc này thân trên không ngả ra trước hoặc ra sau, mà giữ tư thế thẳng đứng, hai tay sẵn sàng đánh phối hợp với giậm nhảy đưa người về trước - lên cao. Chạy đà là một trong hai giai đoạn quan trọng nhảy xa.



b. Giai đoạn giậm nhảy

Được tính từ khi đặt chân đến ván giậm cho tới khi rời ván. Tốc độ đà, giậm nhảy có mối quan hệ mật thiết với nhau. Người nhảy cần kết thúc chạy đà hợp lý sao cho chân giậm nhảy vào điểm giậm nhảy.

-Thời điểm đặt chân lên ván giậm nhảy: Đùi chân giậm nhảy chủ động ép về phía sau chân giậm. Đặt cả bàn chân vào ván giậm, gót chân chạm sớm hơn với điểm dọi của trong tâm cơ thể.

-Thời điểm chân giậm rời ván giậm nhảy: Chân lẳng gập lại, đá mạnh từ sau ra trước và lên trên. Đồng thời chân giậm duỗi hết tất cả các khớp, bật thân lên trên và bắt đầu vào đoạn bay.

-Kết thúc giai đoạn này chính là tư thế bước bộ trên không. Lúc này, đùi chân lẳng và thân trên tạo thành 1 góc 90° , gối co khoảng 83° .



c. Giai đoạn trên không:

Giai đoạn này được tính từ khi chân giậm nhảy rời khỏi ván giậm nhảy. Với cách nhảy xa kiểu ngội khi người nhảy giậm mạnh vào ván nhảy thì đồng thời chân lẳng sẽ đưa lên cao để di chuyển trọng tâm của cơ thể, tiếp theo chân giậm sẽ được kéo lên theo hướng song song

giống như ở tư thế ngồi, sau đó 2 tay đưa lên cao khi sắp tiếp đất thì 2 chân duỗi ra và hai tay đánh về phía sau.



d. Giai đoạn tiếp đất:

Ở giai đoạn này hai vấn đề được ưu tiên nhất là an toàn của người nhảy và thành tích nhảy xa. Khi tiếp đất thì toàn bộ trọng lượng của cơ thể sẽ dồn vào đôi chân vì thế chân bạn phải vững và khi tiếp đất thì người hơi đẩy về trước tránh trường hợp người ngã về sau ảnh hưởng tới thành tích thi đấu.

B. LUYỆN TẬP:

1. Khởi động: Xoay các khớp: Cổ, cổ tay, cổ chân, khớp khuỷu, khớp vai; vặn mình, xoay hông, lườn, bụng; ép dọc, ép ngang (thực hiện mỗi động tác 2x8 nhịp)

2. Tập luyện: Hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi. (HS tự tập luyện)

- Học sinh nghiên cứu tài liệu, kết hợp hướng dẫn của giáo viên để hiểu biết kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi.

- Tùy điều kiện thực tế về sân bãi, mà học sinh tự tập luyện các nội dung có thể thực hiện được tại nhà.

3. Hồi tĩnh, thả lỏng:

Sau buổi tập, học sinh thực hiện các động tác thả lỏng, hồi tĩnh: Hít thở sâu, tại chỗ thả lỏng các nhóm cơ tay, chân; các động tác căng giãn cơ.

* **Dặn dò:** Học sinh tự ôn tập **Bài thể dục liên hoàn** để chuẩn bị kiểm tra cuối kì 1.

11. MÔN TIN HỌC

BÀI TẬP

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Bài 1. Viết lệnh khai báo biến theo yêu cầu sau:

- Biến **a** và **b** có kiểu dữ liệu số nguyên (Integer)
- Biến **chieu_cao** có kiểu dữ liệu số thực
- Biến **thong_bao** có kiểu dữ liệu xâu kí tự
- Biến **R** có kiểu dữ liệu số nguyên (Byte)

Bài 2. Viết lệnh khai báo hằng theo yêu cầu sau:

- Hằng **Phi_dich_vu** có giá trị là 50000
- Hằng **Gia_tien_1_gio** có giá trị là 10000
- Hằng **Ban_kinh** có giá trị là 5

Bài 3. Viết lệnh gán giá trị cho biến

- Gán giá trị số 50 cho biến **X**
- Thực hiện phép tính tổng của hai biến **a** và **b**, kết quả gán vào biến **tong**.
- Nhập giá trị cho biến **m** từ bàn phím.

Bài 4.

- Nếu cho $x := 10$; giá trị của **x** là bao nhiêu sau câu lệnh: `if x > 5 then x := x + 5;`
- Nếu cho $a := 2$; $b := 3$; Kết quả sau khi thực hiện câu lệnh dưới đây là: `if a <> b then writeln('a <> b') else writeln('a = b');`

Bài 5. Viết chương trình nhập vào 1 số nguyên **a**. Sử dụng câu lệnh điều kiện để kiểm tra xem **a** là số chẵn hay số lẻ, thông báo ra màn hình.

Em hãy điền vào chỗ trống (.....) các từ thích hợp để hoàn thiện chương trình giải bài toán trên.

- Program Chan_le;
- Uses crt;
- Var a:
- Begin
- Clrscr;
- Write('Nhập vào số a =');
- Ifthen writeln('a là số chẵn')
else
- readln
- end.

B. LUYỆN TẬP:

Viết chương trình giải Bài 4 ở trên trong chương trình Pascal.

C. DẶN DÒ

Ôn lại các kiến thức đã học.

12. MÔN SINH HỌC

BÀI 32: THÂN NHIỆT

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. THÂN NHIỆT:

- Là nhiệt độ cơ thể.
- Luôn ổn định ở 37 °C nhờ sự cân bằng giữa sinh nhiệt và tỏa nhiệt.

II. CƠ CHẾ ĐIỀU HÒA THÂN NHIỆT:

1. Vai trò của da:

- Trời nóng, khi lao động nặng: dẫn mạch dưới da, tăng tiết mồ hôi giúp tăng tỏa nhiệt.
- Trời rét: co mạch dưới da, co cơ chân lông để giảm sự tỏa nhiệt.

2. Vai trò của hệ thần kinh:

Mọi hoạt động điều hòa thân nhiệt đều là phản xạ do hệ thần kinh điều khiển.

III. PHƯƠNG PHÁP CHỐNG NÓNG, LẠNH:

- Rèn luyện thân thể giúp tăng khả năng chịu đựng của cơ thể.
- Nơi ở và nơi làm việc phải phù hợp.
- Chế độ ăn và khẩu phần ăn hợp lí.

B. LUYỆN TẬP:

1. Trình bày cơ chế điều hòa thân nhiệt trong các trường hợp: trời nóng, trời oi bức, và trời rét.
2. Để phòng cảm nóng, cảm lạnh trong lao động và sinh hoạt hằng ngày em cần phải chú ý những điều gì?

C. DẶN DÒ:

- Đọc phần em có biết.
- Làm bài tập ở phần luyện tập.
- Xem lại các bài đã học để chuẩn bị ôn tập HKI

ÔN TẬP

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ CƠ THỂ NGƯỜI

Cấp độ tổ chức	Đặc điểm đặc trưng	
	Cấu tạo	Vai trò
Tế bào	- Gồm: màng, tế bào chất với các bào quan chủ yếu (ti thể, lưới nội chất, bộ máy Gôngi..) và nhân.	- Là đơn vị cấu tạo và chức năng của cơ thể.
Mô	- Tập hợp các tế bào chuyên hoá có cấu trúc giống nhau.	- Tham gia cấu tạo nên các cơ quan.
Cơ quan	- Được cấu tạo nên bởi các mô khác nhau.	- Tham gia cấu tạo và thực hiện chức năng nhất định của hệ cơ quan.
Hệ cơ quan	- Gồm các cơ quan có mối quan hệ về chức năng.	- Thực hiện chức năng nhất định của cơ thể.

CHƯƠNG II: HỆ VẬN ĐỘNG

Hệ cơ quan	Đặc điểm cấu tạo đặc trưng	Chức năng	Vai trò chung
Bộ xương	- Gồm nhiều xương liên kết với nhau qua các khớp. - Có tính chất cứng rắn và đàn hồi.	Tạo bộ khung cơ thể: + Bảo vệ + Nơi bám của cơ	- Giúp cơ thể hoạt động dễ

Hệ cơ	- Tế bào cơ dài - Có khả năng co giãn	Cơ co, dẫn giúp cơ quan hoạt động.	thích ứng với môi trường.
--------------	--	------------------------------------	---------------------------

CHƯƠNG III: HỆ TUẦN HOÀN

Cơ quan	Đặc điểm cấu tạo đặc trưng	Chức năng	Vai trò chung
Tim	- Có van nhĩ thất và van động mạch. - Co bóp theo chu kì gồm 3 pha.	- Bom máu liên tục theo 1 chiều từ tâm nhĩ vào tâm thất và từ tâm thất vào động mạch.	- Giúp máu tuần hoàn liên tục theo 1 chiều trong cơ thể, nước mô liên tục được đổi mới, bạch huyết cũng liên tục được lưu thông.
Hệ mạch	- Gồm động mạch, mao mạch và tĩnh mạch.	- Dẫn máu từ tim đi khắp cơ thể và từ khắp cơ thể về tim.	

CHƯƠNG IV: HỆ HÔ HẤP

Các giai đoạn chủ yếu trong hô hấp	Cơ chế	Vai trò	
		Riêng	Chung
Thở	Hoạt động phối hợp của lồng ngực và các cơ hô hấp.	Giúp không khí trong phổi thường xuyên đổi mới.	Cung cấp oxi cho các tế bào cơ thể và thải khí cacbonic ra ngoài cơ thể.
Trao đổi khí ở phổi	- Các khí (O ₂ ; CO ₂) khuếch tán từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp.	- Tăng nồng độ O ₂ và giảm nồng độ khí CO ₂ trong máu.	
Trao đổi khí ở tế bào		- Cung cấp O ₂ cho tế bào và nhận CO ₂ do tế bào thải ra.	

CHƯƠNG V: HỆ TIÊU HÓA

Hoạt động	Cơ quan thực hiện		Khoang miệng	Thực quản	Dạ dày	Ruột non	Ruột già
	Loại chất						
Tiêu hóa	Gluxit		X			X	
	Lipit					X	
	Protein				X	X	
Hấp thụ	Đường					X	
	Axit béo và glixêrin					X	
	Axit amin					X	

B. LUYỆN TẬP:

- Xem lại các bài tập đã làm

C. DẶN DÒ:

- Xem lại các bài đã học để chuẩn bị ôn tập HKI

13. MÔN CÔNG NGHỆ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

CHỦ ĐỀ: AN TOÀN ĐIỆN

Tiết 31-Bài 34

Thực hành: DỤNG CỤ BẢO VỆ AN TOÀN ĐIỆN

I. Chuẩn bị:

II. Nội dung và trình tự thực hành:

1- Tìm hiểu các dụng cụ bảo vệ an toàn điện:

Gồm: thảm cách điện, găng tay cao su, ủng cao su, kim điện..

- Đặc điểm về cấu tạo của các dụng cụ đó
- Phần cách điện được chế tạo bằng vật liệu gì?
- Cách sử dụng

2- Tìm hiểu bút thử điện:

a) Quan sát và mô tả cấu tạo bút thử điện:

Cấu tạo bút thử điện gồm 07 bộ phận:

- 1- đầu bút thử điện
- 2- điện trở (làm giảm dòng điện)
- 3- đèn báo
- 4- thân bút
- 5- lò xo
- 6- nắp bút
- 7- kẹp kim loại

* Hai bộ phận quan trọng nhất của bút thử điện là đèn báo và điện trở làm giảm dòng điện (có trị số khoảng $10^6 \Omega$)

b) Nguyên lý làm việc: xem SGK

c) Sử dụng bút thử điện: xem SGK

B. LUYỆN TẬP:

Câu 1: Mô tả cấu tạo của bút thử điện?

Câu 2: Nguyên lý làm việc của bút thử điện?

C. DẶN DÒ:

- HS xem nội dung bài học, ghi chép bài vào tập.
- Hoàn thành bài tập tuần 16 trên trang lớp học kết nối, hạn chót 17h- 24/12/21
- Xem trước bài 36

CHƯƠNG VII- ĐỒ DÙNG ĐIỆN GIA ĐÌNH

Tiết 32- Bài 36: VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN

I. Vật liệu dẫn điện:

- Vật liệu dẫn điện là vật liệu mà dòng điện chạy qua được.

- Vật liệu dẫn điện có điện trở suất nhỏ, có đặc tính dẫn điện tốt. Vật liệu có điện trở suất càng nhỏ dẫn điện càng tốt.

VD: đồng, nhôm, than chì,...

=>Vật liệu dẫn điện được dùng để chế tạo các phần tử (bộ phận) dẫn điện của các thiết bị điện.

II. Vật liệu cách điện:

- Vật liệu cách điện là vật liệu không cho dòng điện chạy qua.

- Vật liệu cách điện có điện trở suất rất lớn, có đặc tính cách điện tốt

VD: giấy cách điện, thủy tinh, sứ, mica,...gỗ khô, không khí có đặc tính cách điện

=>Vật liệu cách điện được dùng để chế tạo các thiết bị cách điện, các phần tử cách điện của các thiết bị điện.

III. Vật liệu dẫn từ :

- Vật liệu dẫn từ là vật liệu mà đường sức của từ trường chạy qua được

+ Vật liệu dẫn từ thường dùng là thép kỹ thuật điện(anico, ferit, pecmaloi) có đặc tính dẫn từ tốt.

+ Thép kỹ thuật điện được dùng làm lõi dẫn từ của nam châm điện, lõi của máy biến áp, máy phát điện,.....

+ Anico dùng làm nam châm vĩnh cửu.

+ Ferit dùng làm anten, lõi các biến áp trung tần trong các thiết bị vô tuyến điện.

+ Pecmaloi dùng làm lõi các biến áp, động cơ điện chất lượng cao trong kỹ thuật vô tuyến và quốc phòng.

B. LUYỆN TẬP:

Câu 1: Thế nào là vật liệu dẫn điện? Vật liệu dẫn điện có đặc tính như thế nào?

Câu 2: Thế nào là vật liệu cách điện? Vật liệu cách điện có đặc tính như thế nào?

Câu 3: Thế nào là vật liệu dẫn từ? Vật liệu dẫn từ có đặc tính như thế nào?

C. DẶN DÒ:

- HS xem nội dung bài học, ghi chép bài vào tập.

- Hoàn thành bài tập tuần 16 trên trang lớp học kết nối, hạn chót 17h- 24/12/21

- Học nội dung ôn tập học kì 1 từ câu 1 đến câu 10

Hết

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1
MÔN CÔNG NGHỆ 8-NĂM HỌC 2021-2022

Câu 1: Hình chiếu là gì? Có mấy hình chiếu? Vị trí các hình chiếu trên Bản vẽ kỹ thuật ?

- Hình chiếu là hình nhận được của vật thể ở trên mặt phẳng chiếu.

- Có 3 hình chiếu:

- + Hình chiếu đứng: có hướng chiếu từ trước tới,
- + Hình chiếu bằng : có hướng chiếu từ trên xuống
- + Hình chiếu cạnh: có hướng chiếu từ trái sang.

- **Vị trí các hình chiếu:**

- + Hình chiếu đứng đặt ở góc trên bên trái bản vẽ
- + Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng
- + Hình chiếu cạnh bên phải hình chiếu đứng.

Câu 2 : Hình cắt là gì? Hình cắt dùng để làm gì?

- Hình cắt là hình nhận được của vật thể ở sau mặt phẳng cắt.

- Hình cắt dùng để biểu diễn rõ hơn hình dạng bên trong của vật thể

Câu 3: Nội dung và trình tự đọc Bản vẽ chi tiết?

* Nội dung của bản vẽ chi tiết:

gồm 4 nội dung : hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, khung tên

* Trình tự đọc Bản vẽ chi tiết : gồm 5 bước

B1: Khung tên

B2: Hình biểu diễn

B3: Kích thước

B4: Yêu cầu kỹ thuật

B5: Tổng hợp

Câu 4 : Nội dung và trình tự đọc Bản vẽ lắp?

* Nội dung Bản vẽ lắp:

gồm 4 nội dung : hình biểu diễn, kích thước, bảng kê, khung tên

* Trình tự đọc Bản vẽ lắp: gồm 6 bước

B1: Khung tên

B2: Bảng kê

B3: Hình biểu diễn

B4: Kích thước

B5: Phân tích chi tiết

B6: Tổng hợp

Câu 5 : Nội dung và trình tự đọc Bản vẽ nhà ?

* Nội dung Bản vẽ nhà:

gồm 3 nội dung : mặt đứng, mặt bằng, mặt cắt

* Trình tự đọc Bản vẽ nhà: gồm 4 bước

B1: Khung tên

B2: Hình biểu diễn

B3: Kích thước

B4: Các bộ phận

Câu 6 : Thế nào là ren ngoài? Quy ước vẽ ren ngoài?

- Ren ngoài là ren được hình thành ở mặt ngoài của chi tiết.

Quy ước:

- Đường đỉnh ren, đường giới hạn ren, vòng đỉnh ren : được vẽ bằng nét liền đậm

- Đường chân ren, vòng chân ren được vẽ bằng nét liền mảnh

Câu 7: Thế nào là ren trong? Quy ước vẽ ren trong?

- Ren trong là ren được hình thành ở mặt trong của lỗ

Quy ước:

- Đường đỉnh ren, đường giới hạn ren, vòng đỉnh ren : được vẽ bằng nét liền đậm

- Đường chân ren, vòng chân ren được vẽ bằng nét liền mảnh

Câu 8: Các tính chất cơ bản của vật liệu cơ khí? Trong cơ khí đặc biệt quan tâm đến 2 tính chất nào?

Gồm 4 tính chất :

- Tính chất cơ học : tính cứng, tính dẻo, tính bền
- Tính chất vật lý : tính dẫn điện, dẫn nhiệt, nhiệt độ nóng chảy
- Tính chất hóa học : tính chịu axit và muối, tính chống ăn mòn,..
- Tính chất công nghệ : tính đúc, tính hàn, tính rèn, khả năng gia công cắt gọt,..

Trong cơ khí đặc biệt quan tâm đến 2 tính chất là tính chất cơ học và tính chất công nghệ.

Câu 9: Hãy kể tên các dụng cụ đo và kiểm tra; dụng cụ tháo lắp và kẹp chặt; dụng cụ gia công?

* Dụng cụ đo và kiểm tra:

- Thước đo chiều dài (thước lá, thước cuộn)

- Thước đo góc (ê ke, ke vuông, thước đo góc vạn năng)

* Dụng cụ tháo lắp: mỏ lết, cờ lê, tua vít

* Dụng cụ kẹp chặt: ê tô, kìm

* Dụng cụ gia công: búa, cưa, đục, dũa.

Câu 10: Chi tiết máy là gì? Phân loại?

- Chi tiết máy là phần tử có cấu tạo hoàn chỉnh và thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong máy.

- Chi tiết máy được chia thành 2 nhóm:

+ Nhóm chi tiết có công dụng chung : Vd: bulông, đai ốc, bánh răng, lò xo ...

+ Nhóm chi tiết có công dụng riêng : Vd: kim máy may, khung xe đạp,...

Câu 11: Thế nào là mối ghép cố định? Mối ghép cố định gồm những loại mối ghép nào?

- Mối ghép cố định là mối ghép mà các chi tiết được ghép không có sự chuyển động tương đối với nhau.

- Gồm 2 loại là :

+ Mối ghép tháo được vd : mối ghép bằng ren, mối ghép bằng then, mối ghép bằng chốt

+ Mối ghép không tháo được vd: mối ghép bằng hàn, mối ghép bằng đinh tán

Câu 12: Thế nào là mối ghép động (khớp động)? Kể tên các loại khớp động thường gặp?

- Mối ghép động là mối ghép mà các chi tiết được ghép có sự chuyển động tương đối với nhau.

- Các loại khớp động gồm : khớp tịnh tiến , khớp quay, khớp cầu, khớp vít

Câu 13: Truyền động đai thuộc về bộ truyền động nào?

Nêu cấu tạo bộ truyền động đai?

Ứng dụng của bộ truyền động đai ?

- Truyền động đai thuộc về truyền động ma sát.

- Cấu tạo gồm: bánh dẫn, bánh bị dẫn, và dây đai

- Ứng dụng : máy khâu, máy khoan, máy tiện, ô tô,..

Câu 14: Truyền động bánh răng thuộc về bộ truyền động nào?

Nêu cấu tạo bộ truyền động bánh răng?

Ứng dụng của bộ truyền động bánh răng ?

- Truyền động bánh răng thuộc về bộ truyền động ăn khớp.

- Cấu tạo gồm : bánh dẫn và bánh bị dẫn.

- Ứng dụng: đồng hồ, hộp số xe máy,..

Câu 15: Truyền động xích thuộc về bộ truyền động nào?

Nêu cấu tạo bộ truyền động xích?

Ứng dụng của bộ truyền động xích ?

- Truyền động xích thuộc về bộ truyền động ăn khớp
- Cấu tạo gồm : đĩa dẫn, đĩa bị dẫn và xích
- Ứng dụng: xe đạp, xe máy, máy nâng chuyển,...

Câu 16 : Để biến chuyển động quay thành chuyển động tịnh tiến ta thường dùng cơ cấu nào?

Nêu cấu tạo của cơ cấu đó? Ứng dụng của cơ cấu đó?

Để biến chuyển động quay thành chuyển động tịnh tiến ta thường dùng cơ cấu tay quay_ con trượt

- Cấu tạo gồm 04 bộ phận: tay quay, thanh truyền, con trượt và giá đỡ.
- Ứng dụng: máy khâu, máy cưa gỗ, ô tô,...

Câu 17 : Chức năng của nhà máy điện và đường dây dẫn điện là gì?

- Nhà máy điện có chức năng biến đổi các dạng năng lượng : nhiệt năng, thủy năng, năng lượng nguyên tử ... thành điện năng.

- Đường dây dẫn điện có chức năng truyền tải điện năng từ nhà máy điện đến nơi tiêu thụ

+ Gồm đường dây truyền tải điện áp cao áp và đường dây truyền tải điện áp thấp

Câu 18 : Tai nạn điện thường xảy ra do những nguyên nhân nào?

Tai nạn điện xảy ra thường do một trong các nguyên nhân sau:

- Do chạm trực tiếp vào vật mang điện
- Do vi phạm khoảng cách an toàn đối với lưới điện cao áp và trạm biến áp.
- Do đến gần dây dẫn có điện bị đứt rơi xuống đất

LƯU Ý: - XEM LẠI CÁC BÀI TẬP THỰC HÀNH VỀ NHẬN DẠNG CÁC HCD, HCB, HCC CỦA MỘT VẬT THỂ ở trang 21, 26, 27, 54, 55.

14. HÓA HỌC

CHỦ ĐỀ 11: TÍNH THEO PHƯƠNG TRÌNH HÓA HỌC

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Các bước tiến hành:

Bước 1: Chuyển đổi khối lượng, thể tích thành lượng chất (Tìm số mol (n)).

Bước 2: Lập phương trình hóa học của phản ứng.

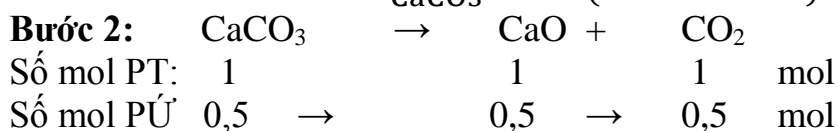
Bước 3: Dựa vào phương trình tìm số mol các chất còn lại. (Thế số mol trực tiếp theo tỉ lệ phương trình hóa học)

Bước 4: Chuyển đổi số mol thành khối lượng (m) hoặc thể tích (V)

Ví dụ:

1. Nung 50 g CaCO_3 thu được vôi sống CaO và khí carbon dioxide CO_2 . Tính khối lượng CaO và thể tích CO_2 thu được ở điều kiện chuẩn biết (C = 12, O = 16, Ca = 40)

$$\text{Bước 1: } n_{\text{CaCO}_3} = \frac{m_{\text{CaCO}_3}}{M_{\text{CaCO}_3}} = \frac{50}{(40+12+3.16)} = 0,5 \text{ mol}$$



$$\text{Bước 3: } n_{\text{CaO}} = \frac{0,5 \cdot 1}{1} = 0,5 \text{ mol}; \quad n_{\text{CO}_2} = \frac{0,5 \cdot 1}{1} = 0,5 \text{ mol}$$

(Lấy số mol CaCO_3 nhân với hệ số mol PT của CaO rồi chia cho hệ số mol CaCO_3 để tìm số mol CaO . Lấy số mol CaCO_3 nhân với hệ số mol PT của CO_2 rồi chia cho hệ số mol CaCO_3 để tìm số mol CO_2 . Quy tắc tam xuất)

Bước 4:

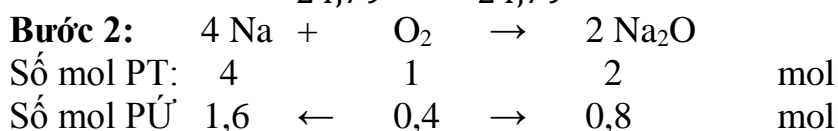
Tính khối lượng CaO : $m_{\text{CaO}} = n_{\text{CaO}} \cdot M_{\text{CaO}} = 0,5 \cdot (40 + 16) = 28 \text{ (g)}$

Thể tích CO_2 thu được ở điều kiện chuẩn:

$$V_{\text{CO}_2} = n_{\text{CO}_2} \cdot 24,79 = 0,5 \cdot 24,79 = 12,395 \text{ (l)}$$

2. Đốt cháy kim loại sodium (Na) trong 9,916 lít khí oxygen (O_2) thu được Sodium oxide (Na_2O). Tính khối lượng Na và Na_2O (biết O = 16, Na = 23 ; thể tích ở điều kiện chuẩn)

$$\text{Bước 1: } n_{\text{O}_2} = \frac{V_{\text{O}_2}}{24,79} = \frac{9,916}{24,79} = 0,4 \text{ mol}$$



$$\text{Bước 3: } n_{\text{Na}_2\text{O}} = \frac{0,4 \cdot 2}{1} = 0,8 \text{ mol}; \quad n_{\text{Na}} = \frac{0,4 \cdot 4}{1} = 1,6 \text{ mol}$$

(Lấy số mol O_2 nhân với hệ số mol PT của Na_2O rồi chia cho hệ số mol O_2 để tìm số mol Na_2O . Lấy số mol O_2 nhân với hệ số mol PT của Na rồi chia cho hệ số mol O_2 để tìm số mol Na. Quy tắc tam xuất)

Bước 4:

Tính khối lượng Na : $m_{\text{Na}} = n_{\text{Na}} \cdot M_{\text{Na}} = 1,6 \cdot 23 = 36,8 \text{ g}$

Tính khối lượng Na_2O : $m_{\text{Na}_2\text{O}} = n_{\text{Na}_2\text{O}} \cdot M_{\text{Na}_2\text{O}} = 0,8 \cdot (23 \cdot 2 + 16) = 49,6 \text{ g}$

B. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Ôn tập các bước tiến hành tính theo phương trình hóa học

C. BÀI TẬP

Biết thể tích các chất khí tính ở điều kiện chuẩn H = 1, O = 16, P = 31, Cl = 35,5, Fe = 56

1. Cho 2,8 gam Iron (Fe) tác dụng với Hydrochloric acid (HCl) sinh ra Iron chloride (FeCl_2) và khí hydrogen (điều kiện chuẩn). Tính

a. Khối lượng acid cần dùng?

b. Thể tích khí sinh ra?

2. Đốt cháy Phosphorus (P) trong 6,1975 lít khí Oxygen (điều kiện chuẩn) tạo thành chất rắn màu trắng là Diphosphorus pentoxide (P_2O_5). Tính

a. Khối lượng P?

b. Khối lượng sản phẩm?

D. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài và làm bài tập

- Ôn tập học kì I

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ**Họ và tên HS: Lớp: 8/.....**

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, nội dung cần hướng dẫn thêm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập và gửi lại cho nhà trường (thông qua bộ phận điều phối tài liệu/giáo viên chủ nhiệm).

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Lịch sử		
5	Địa lý		
6	GDCD		
7	Tiếng Anh		
8	Âm nhạc		
9	Mỹ thuật		
10	Thể dục		

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
11	Tin học		
12	Sinh học		
13	Công nghệ		
14	Hóa học		